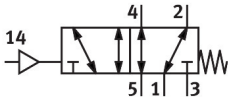


Van khí

VL-5/2-D-1-FR-C

Số bộ phận: 151014



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	5/2 đơn ổn định
Kiểu vận hành	khí nén
Chiều rộng lắp đặt	42 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	1200 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 G1/4
Áp suất vận hành	-0.09 MPA...1.6 MPA -0.9 bar...16 bar
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Chiều rộng định mức	8 mm
Kích thước lưới	43 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 5599-1
Nút ghi đè	không
Mã ISO	104
Kiểu điều khiển	trực tiếp
Hướng dòng chảy	có thể đảo ngược
Xếp chồng	gối chống dương
Áp suất điều khiển	3 bar...16 bar
Thời gian chuyển mạch tắt	23 ms
Thời gian chuyển mạch bật	6 ms
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C

Đặc tính	Giá trị
Mức áp suất âm thanh	85 dB(A)
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	290 g
Kiểu gắn	trên tấm kết nối với lỗ xuyên
Cổng nối khí điều khiển 12	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí điều khiển 14	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 1	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 2	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 3	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 4	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 5	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	HNBR NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực